

BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ

Môn: Ngữ văn 8; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 01 ->12)

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp hằng ngày và trong sáng tác văn học.
- Viết được bài văn kể lại một chuyện đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong văn bản.
- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách.
- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

TUẦN: 01

TIẾT PPCT: 1, 2, 3

ĐỌC VĂN BẢN

LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

Trích, Nguyễn Huy Tưởng

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Văn bản đọc là một trích đoạn trong cuốn tiểu thuyết lịch sử Lá cờ thêu sáu chữ vàng của Nguyễn Huy Tưởng. Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản để nắm bắt và phân tích được một số yếu tố cơ bản của truyện lịch sử:

- Bối cảnh xảy ra câu chuyện: thời nhà Trần, khi nước ta đang đứng trước nguy cơ bị quân Nguyên xâm lược.
- Các tình tiết chính tạo nên cốt truyện, qua đó làm nổi bật hình tượng nhân vật của truyện lịch sử: vua Trần họp với các vương hầu tại bến Bình Than để bàn định nên đánh hay nên hoà. Do chưa đủ tuổi để được lên thuyền dự họp, Trần Quốc Toản lo lắng cho vận mệnh của đất nước, gây náo loạn với quân Thánh Dực ở trên bờ, khiến nhà vua phải chú ý. Nhân cơ hội đó, Trần Quốc Toản gặp được vua để bày ý nguyện của mình.

- Căn cứ vào nội dung câu chuyện, trong đó yếu tố quan trọng nhất là nhân vật chính, rút ra được chủ đề của văn bản: hào khí, tinh thần yêu nước, chí khí anh hùng của người Việt ở thời Trần; nêu bài học giữ nước cho các thế hệ sau.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm với đất nước.

- LÒNG GHÉP QP&AN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Giúp cho HS có tâm thế khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên đặt cho học sinh những câu hỏi gợi mở vấn đề; phương pháp đàm thoại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS qua phần chia sẻ câu chuyện cá nhân và trước lớp.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Chiếu cho HS xem video về lịch sử dân tộc Việt Nam. Link: https://youtu.be/7xUxjPxxTbA GV2: Sau khi xem xong video, em có suy nghĩ gì về quá trình hình thành và xây dựng đất nước từ thời Hùng Vương cho đến hôm nay?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi, hỏi đáp 1-1; hỗ trợ cho những HS cần sự trợ giúp trong học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những suy nghĩ, những trải nghiệm của bản thân để cảm nhận</p>	<p>Giới thiệu vào bài học: Những câu chuyện lịch sử đã đi vào thơ ca nhạc họa một cách rất tự nhiên cho thấy sức sống mãnh liệt của nó. Lịch sử không hề khô khan mà trở nên hấp dẫn hơn với những câu chuyện được tái hiện lại một cách tài tình và độc đáo. Có những tác phẩm sống mãi trong lòng nhân</p>

<p>được quá trình hình thành và xây dựng đất nước từ thời Hùng Vương đến nay.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>dân Việt Nam không chỉ vì những sự kiện sống động mà còn bởi nghệ thuật xây dựng nhân vật vô cùng hấp dẫn trong những câu chuyện lịch sử. Một trong những tác phẩm truyện lịch sử hay nhất đó là <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i> của <i>Nguyễn Huy Tưởng</i>. Trong phạm vi tiết học hôm nay, các em sẽ được khám phá một đoạn trích rất thú vị.</p>
--	--

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

a. Mục tiêu: Học sinh có kỹ năng đọc văn bản truyện, tóm tắt văn bản và cần nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại. HS sử dụng SGK chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Các câu trả lời của học sinh, phiếu học tập và bảng đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản, đọc lưu loát, ngôn ngữ của người kể chuyện ngôi thứ 3 và lời các nhân vật. Có thể cho HS đọc phân vai, thể hiện được ngữ điệu riêng trong lời của từng nhân vật. Khi đọc sử dụng các chiến lược: <i>theo dõi, dự đoán, đối chiếu</i>.</p> <p>GV đọc mẫu thành tiếng phần 1 từ đầu -> <i>chẳng hỏi một lời?</i>, sau đó yêu cầu HS đọc thành tiếng từng phần cho đến hết văn bản.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV đọc mẫu thành tiếng phần 1, sau đó gọi 2 HS đọc hết 2 phần còn lại của văn bản. Có thể cho HS đọc phân vai, có người dẫn truyện và các nhân vật trong đoạn trích.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV đọc mẫu phần 1, HS đọc 2 phần còn lại của văn bản.</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét giọng đọc của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung phần đọc của HS.</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p>

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả Nguyễn Huy Tưởng (*SGK trang 15*)

GV1: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng?

GV2: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản và đã đọc tìm hiểu ở nhà em hãy tóm tắt nội dung chính của văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu tác giả Nguyễn Huy Tưởng.

GV cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1 và câu hỏi 2: Tóm tắt văn bản, làm việc cá nhân, chuẩn bị nội dung tóm tắt văn bản (Thời gian từ 3 -> 4 phút). GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời về tác giả Nguyễn Huy Tưởng.

GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS tóm tắt nội dung chính của văn bản.

GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết*).

2. Tác giả, tác phẩm

→ Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960) quê ở Hà Nội.

- Ông có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử, đóng góp nổi bật ở 2 thể loại: tiểu thuyết và kịch.

- Tác phẩm chính: Đêm hội Long Trì (1942); Vũ Như Tô (1943); An Tư (1944); Bắc Sơn (1946); Lá cờ thêu sáu chữ vàng (1960); Sống mãi với Thủ đô (1961)...

→ Tác phẩm: Văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* thuộc thể loại truyện lịch sử được sáng tác vào năm 1960, trong những năm cuối đời của tác giả. Đoạn trích thuộc phần 3 của tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”.

3. Tóm tắt văn bản

- Tại bến Bình Than, vua Trần và các vương hầu họp bàn kế sách đối phó với quân xâm lược.

- Vì chưa đủ tuổi, không được dự họp, Trần Quốc Toản cảm thấy nhục nhã, chỉ muốn gặp vua để bày tỏ chủ kiến của mình là không chấp nhận hoà hoãn.

- Do nóng lòng muốn gặp vua, Trần

	<p>Quốc Toản định vượt qua hàng rào quân cấm vệ để đến nơi vua quan họp bàn; bị ngăn cản, đã xảy ra xung đột.</p> <p>- Khi được gặp vua, Trần Quốc Toản nói to câu xin đánh. Vua Trần biết nổi lòng vì nước của chàng, đã không trách phạt, còn ban thưởng một quả cam.</p> <p>- Trần Quốc Toản quyết định trở về quê chiêu mộ binh mã, thao luyện võ nghệ để xuất quân đánh giặc. Khi chàng xoè tay ra, quả cam đã bị bóp nát tụt bao giờ.</p>
--	---

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Bối cảnh xảy ra câu chuyện: thời nhà Trần, khi nước ta đang đứng trước nguy cơ bị quân Nguyên xâm lược.

- Các tình tiết chính tạo nên cốt truyện, qua đó làm nổi bật hình tượng nhân vật của truyện lịch sử: vua Trần họp với các vương hầu tại bến Bình Than để bàn định nên đánh hay nên hoà. Do chưa đủ tuổi để được lên thuyền dự họp, Trần Quốc Toản lo lắng cho vận mệnh của đất nước, gây náo loạn với quân Thánh Dực ở trên bờ, khiến nhà vua phải chú ý. Nhân cơ hội đó, Trần Quốc Toản gặp được vua để bày ý nguyện của mình.

- Căn cứ vào nội dung câu chuyện, trong đó yếu tố quan trọng nhất là nhân vật chính, rút ra được chủ đề của văn bản: hào khí, tinh thần yêu nước, chí khí anh hùng của người Việt ở thời Trần; nêu bài học giữ nước cho các thế hệ sau.

b. Nội dung: Giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại, trực quan, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập: GV sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài thơ, HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV& HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Nhân vật chính trong văn bản là ai? Được sử dụng ngôi kể nào? Đề tài được nhắc đến trong truyện là gì?</p> <p>GV2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Chủ đề được đề cập đến trong văn bản như thế nào?</p> <p><i>(GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1)</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p>

Câu hỏi 1, 2 GV cho HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập số 1 (thời gian khoảng 2 -> 3 phút)

GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 3 HS lên trả lời cho câu 1, 2 dựa vào kết quả phiếu học tập số 1.

GV gọi 1 -> 3 HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (*HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết*).

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản em hãy cho biết truyện *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* có thể được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là gì?

(*GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 2*)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 2 (Thời gian khoảng 3 -> 4 phút)

GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 1, 3, 5 lên trả lời câu hỏi, dựa vào kết quả phiếu học tập số 2.

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 2, 4, 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (*HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết*).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Em hãy cho biết câu chuyện dựa trên bối cảnh của sự kiện lịch sử nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

→ Nhân vật chính: Trần Quốc Toản

- Ngôi kể thứ 3

- Đề tài: Truyện lịch sử

→ Phương thức biểu đạt chính là tự sự

- Chủ đề: Thể hiện tấm lòng yêu nước, căm thù giặc của người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản, qua đó cho thấy hào khí, tinh thần chống quân xâm lược của ông cha ta ở thời nhà Trần.

2. Bố cục văn bản

→ Bố cục có thể chia làm: 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu -> chẳng hỏi một lời?

(*Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến vua*)

+ Phần 2: Tiếp -> cho em ta một quả

(*Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản*)

+ Phần 3: Còn lại (*Hành động của Trần Quốc Toản sau khi được vua ban quả cam quý*).

3. Đọc hiểu nội dung

a. Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến vua

GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn cùng bàn học 1-1 (thời gian khoảng 1 -> 2 phút). GV gọi mở cho học sinh khi cần giải quyết vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời cho câu hỏi yêu cầu.
GV gọi 1 ->2 HS nhận xét bổ sung nội dung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng (HS có thể chủ động ghi nội vào vở viết).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản có tâm trạng như thế nào khi phải đứng trên bờ nhìn quang cảnh một sự kiện đặc biệt đang diễn ra ở bến Bình Than?

GV2: Khi bị quân Thánh Dực ngăn cản xuống bến gặp vua, Trần Quốc Toản có hành động gì khác thường? Vì sao Trần Quốc Toản có hành động như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm; nhóm 1, 3, 5 trả lời câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 trả lời câu hỏi 2. Thời gian 5 -> 6 phút. GV quan sát học sinh thực hiện, hướng dẫn, có thể gọi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 4 HS đại diện nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi 1; đại diện nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi 2.

GV gọi 2 HS đại diện nhóm 5, 6 nhận xét và bổ sung câu trả lời của nhóm bạn (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.
GV sử dụng phiếu học tập để đánh giá. GV ghi nội dung chính lên bảng.(HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết)

→Câu chuyện được kể xảy ra vào thời nhà Trần (thế kỉ XIII). Lúc bấy giờ, nước ta phải đối mặt với quân Nguyên - một đội quân xâm lược hết sức hùng mạnh.

b. Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản

→Khi buộc phải đứng trên bờ nhìn quang cảnh hội nghị của vua Trần và các vương hầu bàn việc đối phó với giặc, Trần Quốc Toản có những biểu hiện cụ thể:

- Nản nì quân Thánh Dực mà vẫn không được xuống bến, “thần thờ” nhìn bến Bình Than; cảm thấy nhục nhã khi phải đứng rìa, không được dự họp; nhìn những lá cờ trên thuyền của các vương hầu đến “rách mắt”; ước ao được xuống thuyền rồng dự bàn việc nước và quỳ trước vua tâu một câu xin đánh; muốn xô mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống bến, nhưng sợ tội chém đầu; so sánh điều đang nung nấu trong lòng mình với sự đồng tâm nhất trí của các bô lão ở hội nghị Diên Hồng, khẳng định thêm ý nguyện đánh giặc; sục sôi đến

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Chứng kiến hành động và nghe lời tâm bày của Trần Quốc Toản, vua Thiệu Bảo có thái độ và cách xử lý như thế nào? Thái độ và cách xử lý đó cho thấy điều gì ở vị vua này?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi, trao đổi chia sẻ với bạn ngồi cùng bàn học (thời gian từ 4 -> 5 phút). GV đi hỗ trợ các cặp đôi nếu các em có yêu cầu cần giải đáp thắc mắc.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các cặp đôi để trả lời câu hỏi yêu cầu.

mức định liều lĩnh làm điều vượt khuôn phép,...

- Ở vào tình thế đặc biệt như vậy, tâm trạng của Trần Quốc Toản có đủ sắc thái: ao ước được bàn việc nước đến cháy bỏng; có chút “ganh tị” với những người anh em chỉ hơn mình mấy tuổi mà được dự họp; bức xúc vì phải đứng ngoài; tính chuyện liều lĩnh để được gặp vua;... Tất cả đều thể hiện tấm lòng yêu nước, căm thù giặc, muốn góp sức mình để đánh đuổi quân xâm lược. Đó là tâm trạng của một người tuổi nhỏ mà chí lớn.

→ Hành động khác thường của Trần Quốc Toản là “xô mấy người lính Thánh Dục ngã chúi, xăm xăm xuống bến”; “tuốt gươm, mắt trừng lên” dọa chém người ngăn cản, đỏ mặt quát lớn trước mặt viên tướng, múa tít gươm khiến cho không ai có thể đến gần để cản bước mình,...

- Ở thời phong kiến, hành động của Trần Quốc Toản được xem là khinh thường phép nước, phạm vào trọng tội, có thể bị chém đầu. Mặc dù biết rõ điều đó, nhưng vì quá lo lắng cho đất nước, căm thù giặc, nóng lòng muốn tỏ bày chủ kiến của mình với vua, Trần Quốc Toản mới hành động liều lĩnh như vậy.

c. Hành động của Trần Quốc Toản sau khi được vua ban quả cam quý

→ Lúc cuộc họp tạm nghỉ, vua Thiệu Bảo nghe tiếng ồn ào trên bến, nhìn lên thấy Hoài Văn Hầu đang giằng co với quân Thánh Dục.

+ Trần Quốc Toản xông xộc chạy xuống bến quỳ tâu với vua xin hãy cho đánh.

+ Sau khi nghe lời tâu đó, vua thấy Trần

GV gọi một vài HS bất kì trong các cặp đôi còn lại để nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV lồng ghép QP&AN: Theo em, người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản đã gọi lên niềm tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi, trao đổi chia sẻ với bạn ngồi cùng bàn học (thời gian từ 4 -> 5 phút). GV đi hỗ trợ các cặp đôi nếu các em có yêu cầu cần giải đáp thắc mắc.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các cặp đôi để trả lời câu hỏi yêu cầu.

GV gọi một vài HS bất kì trong các cặp đôi còn lại để nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Quốc Toản run bắn, tự đặt guom lên gáy mình, sẵn sàng chịu tội.

+ Vua cũng nghe lời kết tội nặng nề của Trần Ích Tắc đối với hành động liều lĩnh của Trần Quốc Toản.

- Thái độ và cách ứng xử của nhà vua:

+ Mím cười gật đầu vì nhận thấy ý nguyện đánh giặc của Trần Quốc Toản hợp ý mình.

+ Biết tội làm trái phép nước của Hoài Văn Hầu, nhưng tha thứ vì thể tất cho hành động nóng nảy. Đặc biệt nhà vua thấy chí khí đáng trọng của một người còn trẻ mà biết lo cho vua, cho nước.

+ Vua khuyên giải, động viên Hoài Văn Hầu một cách nhẹ nhàng, ôn tồn, lại còn ban thưởng cam quý.

- Thái độ, cách ứng xử đó cho thấy vua vừa nghiêm minh, vừa khoan dung, độ lượng, thể hiện tư cách của đấng quân vương, đồng thời cũng là tư cách của người anh đối với đứa em họ chưa đến tuổi trưởng thành. Trên tất cả, nhà vua nhận ra phẩm chất đáng quý của một chàng trai trẻ trước họa đất nước bị xâm lăng.

→ **Tám gương lịch sử của Trần Quốc Toản là một nguồn động viên lớn cho thế hệ trẻ như chúng ta. Lòng tự hỏi, nếu Trần Quốc Toản đã ý thức được trách nhiệm của mình khi quốc gia đang trong**

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).</p> <p>Nhiệm vụ 7</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Qua phần tìm hiểu tri thức ngữ văn đã được đọc ở nhà em hiểu truyện lịch sử là gì? Cốt truyện lịch sử được xây dựng trên những cơ sở nào? GV2: Qua phần đọc hiểu văn bản <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i> em rút ra được nội dung và nghệ thuật của truyện là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi 1 và 2 GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời 1, 2 của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).</p>	<p>biển cô, thì thể hệ của chúng ta liệu có thể lơ là, mơ hồ với trách nhiệm lịch sử mà chúng ta phải đảm nhận hay không? Vì thế chúng ta vô cùng tự hào và biết ơn người anh hùng của dân tộc qua trang sách ý nghĩa này.</p> <p>4. Tổng kết văn bản</p> <p>4.1. Truyện lịch sử và cốt truyện</p> <p>→ Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;... là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra.</p> <p>→ Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó.</p> <p>4.2. Nội dung: Ca ngợi chí khí, tấm lòng yêu nước của anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản. Ca ngợi khí thế hào hùng của ông cha ta thời kháng chiến chống quân Nguyên-Mông.</p> <p>4.3. Nghệ thuật: Ngôn ngữ đậm màu sắc lịch sử. Đan xen nhuần nhuyễn lời người kể chuyện và ý nghĩ nhân vật.</p>
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: Lớp 8 ...

Stt	Yêu cầu	Chi tiết, nội dung	Đánh giá	
			Đ	CD
1	Nhân vật chính trong văn bản là ai?			
2	Được sử dụng ngôi kể nào?			
3	Đề tài được nhắc đến trong truyện là gì?		
4	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?		
	Chủ đề được đề cập đến trong văn bản như thế nào?		
TỔNG CỘNG				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm/cá nhân: Lớp 8 ...

Stt	Yêu cầu	Chi tiết, nội dung	Đánh giá	
			Đ	CD
1	Văn bản được chia làm mấy phần?			
2	Phần 1 từ đầu đến			
	Nội dung phần 1		
3	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần		
4	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần		
5	Phần ... tiếp đến			

Nội dung phần		
TỔNG CỘNG			

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại nội dung, kỹ năng đọc hiểu văn bản để khái quát được chủ đề của văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* của Nguyễn Huy Tưởng.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp tổng hợp, gợi mở vấn đề, làm việc cá nhân.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả tìm được khái quát chủ đề văn bản của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Hãy khái quát chủ đề của văn bản và cho biết căn cứ vào đâu em khái quát được như vậy.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn ngồi cùng bàn học, (thời gian từ 3 -> 4 phút) GV hỗ trợ, giúp đỡ HS để khơi gợi lại những nội dung có liên quan trong bài học khi có yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá tinh thần xung phong của học sinh. GV tuyên dương những học sinh tích cực, khích lệ các em còn chậm cần tự tin, mạnh dạn hơn.</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→ Có thể khái quát chủ đề như sau: Văn bản thể hiện tấm lòng yêu nước, căm thù giặc của người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản, qua đó cho thấy hào khí, tinh thần chống xâm lược của cha ông ta ở thời Trần.</p> <p>- Việc xác định chủ đề như vậy căn cứ vào sự việc diễn ra, vào nội dung cơ bản xoay quanh nhân vật chính được miêu tả trong đoạn trích.</p>

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để viết đoạn văn kết nối với đọc.
- b. **Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch hoặc quy nạp...
- c. **Sản phẩm học tập:** Viết đoạn văn theo đúng yêu cầu để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích chi tiết Trần Quốc Tuấn bóp nát quả cam.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn kết nối với đọc, thời gian 7 -> 8 phút. GV đi hỗ trợ HS khi cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS lên đọc bài viết đoạn văn theo yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá tinh thần xung phong của học sinh. GV có thể dành 8 -> 10 phút cuối tiết học cho HS viết ngắn, thu bài để chấm, làm tư liệu theo dõi khả năng viết của từng em.</p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p>→Gợi ý: Trần Quốc Tuấn được vua ban cam quý trong hoàn cảnh nào? Lúc bấy giờ, điều gì thu hút mọi suy nghĩ của Trần Quốc Tuấn? Chi tiết quả cam bị bóp nát lúc nào không biết cho thấy phẩm chất gì của nhân vật? - Lưu ý HS về cách tổ chức đoạn, số câu đúng quy định, các câu đảm bảo về ngữ pháp và có liên kết với nhau chặt chẽ, hợp lí.</p>

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: Thực hành tiếng Việt (SGK Tr 16, 17)

TIẾT PPCT: 04

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT BIỆT NGỮ XÃ HỘI

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nắm được khái niệm biệt ngữ xã hội; có khả năng nhận biết biệt ngữ xã hội trong câu, trong đoạn.
- Học sinh vận dụng được kiến thức về biệt ngữ xã hội để đọc hiểu văn bản và sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp trong những tình huống giao tiếp cần thiết.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Chăm chỉ học tập để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Trung thực khi sử dụng từ ngữ cho đúng ngữ cảnh trong khi đọc, viết văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); nội dung trả lời các bài tập; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài (SGK trang 16, 17).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình để bước vào bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, gợi mở.

c. Sản phẩm: HS thực hiện câu trả lời yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy nêu cách hiểu của mình về biệt ngữ xã hội. Có phải biệt ngữ xã hội chỉ có duy nhất ở 1 giới người trong xã hội không? Lấy ví dụ minh họa.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, chia sẻ hiểu biết của bản thân với bạn bè ngồi kế bên. GV hỗ trợ những HS chưa mạnh dạn trong giao tiếp, thảo luận với bạn bè.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV cho HS xung phong trả lời câu hỏi và gọi 1 số HS chưa tham gia tự giác để trả lời câu hỏi. GV gọi 1 số HS nhận xét, bổ sung nội dung của bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và giới thiệu vào bài mới</p> <p style="text-align: center;">GV Ghi tên bài học lên bảng.</p>	<p>- Gợi ý: Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng.</p> <p>- Ví dụ: + Đối tượng HS (ngỗng là 2 điểm; phao là tài liệu vào phong thi...) + Đối tượng thanh niên (viêm màng túi là hết tiền; hem là không ...)</p> <p>GV giới thiệu vào bài học: Biệt ngữ xã hội cần được sử dụng phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp. Biệt ngữ xã hội chỉ nên dùng trong khẩu ngữ sinh hoạt, cùng thuộc tầng lớp xã hội như mình, cùng làm một nghề nghiệp, cùng hoạt động trong một lĩnh vực như mình. Nếu không chú ý điều này thì việc dùng biệt ngữ xã hội trở nên không phù hợp, ảnh hưởng xấu tới kết quả giao tiếp. Vậy những dấu hiệu đặc trưng nào giúp các em nhận ra biệt ngữ xã hội trong câu, trong giao tiếp. Hôm nay thầy (cô) sẽ hướng dẫn cả lớp mình để tìm hiểu sâu sắc hơn nữa thông qua bài học Thực hành tiếng Việt (SGK trang 16, 17).</p>

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu

- Học sinh nắm được khái niệm biệt ngữ xã hội; có khả năng nhận biết biệt ngữ xã hội trong

câu, trong đoạn.

- Học sinh vận dụng được kiến thức về biệt ngữ xã hội để đọc hiểu văn bản và sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp trong những tình huống giao tiếp cần thiết.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, gợi mở, dạy học hợp tác, trực quan, giải quyết tình huống có vấn đề.

c. Sản phẩm: Kết quả bài tập của học sinh; dùng phiếu giá tinh thần hoạt động thảo luận nhóm để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS lần lượt đọc 2 bài tập (bài tập 1, 2) SGK trang 16.</p> <p>GV cho HS giải 2 bài tập SGK.</p> <p>Bt 1: Chỉ ra biệt ngữ xã hội ở những câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải thích nghĩa các biệt ngữ đó. (câu a, b)</p> <p>Bt 2: Cái việc lơ đễnh... “đánh 1 tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp 1 phần đám to. Vì sao ở câu trên, người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh 1 tiếng bạc lớn”? Theo em, tác giả dùng cụm từ đó với mục đích gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS lần lượt đọc 2 bài tập (bài tập 1, 2) SGK trang 16.</p> <p>GV chia lớp làm 6 nhóm trong giấy A0, dùng bút dạ để thực hiện 2 bài tập.</p> <p>Nhóm 1, 3, 5 làm bài tập 1.</p> <p>Nhóm 2, 4, 6 làm bài tập 2.</p> <p>GV cho HS suy nghĩ, thảo luận thời gian từ 6 -> 7 phút.</p> <p>GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác.</p> <p>GV có thể đi hỗ trợ cho HS các nhóm khi có yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 1, 3 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 1.</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 2, 4 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 2.</p> <p>GV gọi 1 HS đại diện nhóm 5 nhận xét kết</p>	<p>I. Thực hành tiếng Việt</p> <p>Bài tập 1 (SGK tr 16)</p> <p>Lưu ý: Bài tập 1 chỉ yêu cầu HS nhận biết biệt ngữ qua một dấu hiệu tương đối dễ thấy (dùng dấu ngoặc kép). Thực tế, trong VB viết hoặc trong ngôn ngữ nói, nhiều khi biệt ngữ được sử dụng mà không đi kèm bất cứ dấu hiệu hình thức nào. Gặp những trường hợp như vậy, người đọc, người nghe phải dựa vào cách sử dụng từ ngữ trong ngữ cảnh để nhận biết)</p> <p>→Biệt ngữ xã hội:</p> <p>+ Ở câu a: “gà” là biệt ngữ. Dấu ngoặc kép và sự khác thường về nghĩa của từ “gà” cho ta biết điều đó.</p> <p>+ Ở câu b: “tù” là biệt ngữ. Trong câu này, nghĩa của từ “tù” được dùng không thông dụng, hoàn toàn khác với nghĩa gốc – một dấu hiệu đặc trưng của biệt ngữ.</p> <p>- Nghĩa của biệt ngữ xã hội: “gà”; “tù”</p> <p>+ “Gà” ở câu a dùng để chỉ những học sinh được chọn luyện để thi đấu (liên hệ đến gà chọi).</p> <p>+ “Tù” ở câu b có nghĩa là chỉ tập trung học một nội dung nào đó để thi theo kiểu may rủi, nếu trúng đề thì làm bài tốt.</p> <p>Bài tập 2 (SGK Tr 16)</p> <p>- Câu được dẫn có sử dụng biệt ngữ “đánh</p>

quả của nhóm 1, 3 (có thể bổ sung cho nhóm)

GV gọi 1 HS đại diện nhóm 6 nhận xét kết quả của nhóm 2, 4 (có thể bổ sung cho nhóm)

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chốt nội dung theo ý hiểu của bản thân ghi vào vở viết)

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 3 SGK trang 16.

Bt 3: ... Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội (in đậm) trong các trường hợp trên. Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, thời gian từ 4 -> 5 phút.

GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỗ trợ cho những HS cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời yêu cầu bài tập 3.

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 4 SGK trang 17.

Bt 4: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong các đoạn đối thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói. (câu a, b)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, trao đổi chia sẻ nội

một tiếng bạc lớn”. Khi dùng biệt ngữ đó, tác giả biết rằng, số đông độc giả sẽ cảm thấy lạ, khó hiểu. Do vậy, tác giả thấy cần giải thích để người đọc hiểu được nghĩa của câu.

- Cụm từ đặt trong ngoặc kép được tác giả sử dụng với mục đích tái hiện chân thực cách nói năng trong nội bộ một nhóm người mưu toan làm những việc mờ ám, không muốn để người ngoài biết được

Bài tập 3 (SGK tr 16)

Lưu ý: Bài tập 3 định hướng cho HS thấy được sự cần thiết phải hiểu nghĩa của biệt ngữ khi đọc tác phẩm văn học.

→ Biệt ngữ nêu ở bài tập 3 đều lấy từ tác phẩm văn học viết về cuộc sống của những người làm các nghề đặc biệt trong xã hội cũ, thường chỉ đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong phạm vi hẹp. Nhờ những biệt ngữ như vậy, người đọc được hiểu thêm về cung cách sinh hoạt, cách nói năng của những đối tượng khá đặc biệt, rất xa lạ so với cuộc sống hiện nay.

- Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như vậy, người đọc cần tìm hiểu nghĩa của chúng được nêu ở cước chú. Trường hợp không có cước chú, cần tìm hiểu từ nguồn khác, ví dụ từ in-tơ-nét hoặc từ điển tiếng Việt để nắm được nghĩa của từng biệt ngữ.

Bài tập 4 (SGK tr 17)

Lưu ý: Đây là một bài tập có mục đích kiểm tra khả năng nhận biết biệt ngữ xã hội của HS. Biệt ngữ xã hội không thuộc từ ngữ toàn dân, cho nên phạm vi sử dụng khá hạn chế. Nếu dùng phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, biệt ngữ sẽ phát huy được hiệu quả tích cực; ngược lại, dùng biệt ngữ không

dung yêu cầu, thời gian từ 4 -> 5 phút.
GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỗ trợ cho những HS cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời yêu cầu bài tập 4.
GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu tri thức ngữ văn ở nhà và thực hành tiếng Việt, em hiểu biệt ngữ xã hội là gì? Cách nhận biết được biệt ngữ xã hội như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để nhớ lại kiến thức đã tìm hiểu và thực hành tiếng Việt thông qua 4 bài tập (thời gian từ 3 -> 4 phút). GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, làm theo mẫu.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS lên trả lời câu hỏi và có thể lấy ví dụ minh họa.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài). GV có thể tuyên dương tinh thần xung phong của HS.

phù hợp sẽ làm cho người nghe, người đọc không hiểu được thông tin tiếp nhận và gây cho họ cảm giác khó chịu.

→ Ở trường hợp a, **lầy** là biệt ngữ. Trong ngữ cảnh khác, chẳng hạn nói với bạn bè một cách suồng sã, có thể sử dụng từ **lầy** với nghĩa là lời thôi, nhếch nhác, chơi không đẹp. Nhưng khi nói với bố như trong ngữ cảnh này, sử dụng biệt ngữ **lầy** hoàn toàn không phù hợp.

- Ở trường hợp b, biệt ngữ **hem** có nghĩa là “không” theo cách nói của lớp trẻ hiện nay. Tuy nhiên, trong trường hợp này, dùng biệt ngữ cũng không phù hợp, vì người nói cần trả lời một cách nghiêm túc câu hỏi của bạn, thể hiện sự quan tâm đến trạng thái tâm lí của một người bạn khác.

II. Nhận biết biệt ngữ xã hội

→ Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ âm.

Ví dụ:

Anh đây công từ không “**vòm**”

Ngày mai “**kén rệp**” biết “**mòm**” vào đầu.

(*Nguyễn Hồng, Bỉ vò*)

Cuốn *Bỉ vò* (NXB Dân Trí 2011) chủ thích: **vòm** là nhà, **kén rệp** là hết gạo, **mòm** là ăn. **Kén rệp** và **mòm** có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, chưa gặp trong vốn từ chung của tiếng Việt. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ nghĩa.

→ Cách nhận biết biệt ngữ xã hội

- Do những đặc điểm khác biệt như vậy, trong văn bản, biệt ngữ thường được in nghiêng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép và được chú thích về nghĩa.

	<p>- Biệt ngữ xã hội hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, vì thế chúng thường được sử dụng trong phạm vi hẹp. Chỉ những người có mối liên hệ riêng với nhau về nghề nghiệp, lứa tuổi, sinh hoạt, sở thích,... và nắm được quy ước mới có thể dùng biệt ngữ để giao tiếp.</p> <p>→ Sử dụng biệt ngữ xã hội (SGK tr 16)</p>
--	---

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu: Viết được đoạn văn có sử dụng biệt ngữ xã hội đúng ngữ cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân. Phương pháp gợi mở, thuyết trình

c. Sản phẩm học tập: Bài làm luyện tập để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 → 7 câu) trong đó có sử dụng ít nhất 1 từ ngữ là biệt ngữ xã hội trở lên và chỉ ra được biệt ngữ xã hội đó trong đoạn văn.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh, bao quát lớp, hỗ trợ những HS khó khăn trong học tập, chưa mạnh dạn...</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 → 2 HS trình bày đoạn văn và xác định được các biệt ngữ xã hội đã sử dụng trong đoạn văn đó. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung cho bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu.</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→ HS có kỹ năng sử dụng biệt ngữ xã hội đúng đối tượng, đúng ngữ cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- HS viết đoạn văn đúng yêu cầu và chỉ ra được các từ ngữ chỉ biệt ngữ xã hội đúng đối tượng, đúng ngữ cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>Đoạn văn gợi ý: Là một học sinh, chắc chắn chúng ta ai trong đời sẽ phải trải qua rất nhiều kỳ thi cam go để đạt được điểm số cao thì mỗi học sinh sẽ cần phải rèn luyện học tập mỗi ngày thì mới đạt được những kết quả tốt. Tuy nhiên không ít những bạn được những điểm "ngỗng" vì lười học chệnh mảng việc học hành khiến cho tía má phải buồn lòng. Vì vậy hãy là con ngoan trò giỏi để không phụ lòng thầy cô và tía má.</p> <p>- Biệt ngữ xã hội: ngỗng là 2 điểm</p>

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: HS xác định được các dấu hiệu nhận biết của biệt ngữ xã hội đúng hoàn cảnh giao tiếp.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi chia sẻ, huy động kiến thức nền để áp dụng vào thực tiễn.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm vận dụng của học sinh để đánh giá hoạt động học thông qua bảng nhận xét làm việc nhóm hoặc cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy tìm 1 đoạn văn hoặc 1 đoạn thơ trong các tác phẩm văn học đã được học, được đọc trong đó có sử dụng biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc theo cặp đôi, làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề. Hỗ trợ cho HS khi cần được trợ giúp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho HS tinh thần xung phong, gọi 1 vài HS lên trình bày yêu cầu bài tập. GV cho HS khác nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu. GV phát phiếu cho HS tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm tất cả các hoạt động trong bài học. (Đánh giá, nhận xét lưu trong hồ sơ học tập)</p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p>- HS có kĩ năng phát hiện một số biệt ngữ xã hội được sử dụng trong các tác phẩm văn học.</p>

Phiếu tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm	
Họ tên.....Lớp 8:.....	
Tên bài học.....	
Ngày nhận xét.....	
Mức độ	Nhận xét điều đã làm được và chưa làm được
Tự giác	
Tích cực	
Trung thực	
Trách nhiệm	

Hiểu bài	
-----------------	--

(GV phát phiếu cho học sinh tự đánh giá, lưu hồ sơ học tập).

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Quang Trung đại phá quân Thanh** (Trích *Hoàng Lê nhất thống chí*, Ngô gia văn phái)

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN



Đào Văn Dũng

Nguyễn Thị Chúc